

## 6-GIẢI THÍCH CÙNG ĐẠI TỖ-KHEO TĂNG

**KINH:** Cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng

**LUẬN:** “Cùng” là cùng một chỗ, cùng một thời, cùng một tâm, cùng một giới, cùng một sự thấy (kiến), cùng một đạo, cùng một giải thoát, ấy gọi là “Cùng”.

“Ma-ha” là Lớn (đại) hoặc Nhiều, hoặc Hơn. Vì sao gọi là “Lớn”? Nghĩa là ở trên tất cả mọi người, là đã dứt hết mọi chướng ngại, là được Thiên vương, đại nhân cung kính, ấy gọi là Lớn. Vì sao gọi là “Nhiều”? Số đến năm mươi ngàn nên gọi là Nhiều. Sao gọi là “Hơn”? Nghĩa là có thể phá hết luận nghị của chín mươi sáu phái ngoại đạo, nên gọi là Hơn.

Vì sao gọi là “Tỳ-kheo”? Tỳ-kheo còn gọi là Khất sĩ, vì nuôi sống mình một cách trong sạch nên gọi là Khất sĩ. Như trong kinh nói:

Xá-lợi- phát vào thành khất thực, được rồi hưởng vào vách ngôi ăn. Lúc ấy có nữ Phạm-chí tên là Tịnh Mục đi đến, thấy Xá-lợi-phát, hỏi:

- Sa-môn, ông ăn phải không?

Đáp: Phải, tôi ăn.

- Ông là Sa-môn cuối miệng xuống mà ăn phải không?

- Không phải.

- Ngửa miệng lên mà ăn phải không?

- Không phải.

- Ông vuông miệng mà ăn phải không?

- Không phải.

- Ông quay miệng theo bốn phía mà ăn phải không?

- Không phải.

Tịnh mục nói: “Cách ăn có bốn, tôi hỏi ông, ông đều trả lời không phải; tôi không hiểu, xin ông hãy nói cho”.

- Có người xuất gia mà nuôi sống mình một cách bất tịnh như hòa hiệp thuốc men, gieo lúa, trồng cây v.v... ấy gọi là cúi miệng xuống mà ăn.

- Có người xuất gia mà nuôi sống mình một cách bất tịnh như xem tinh tú, trời trăng, đoán gió mưa, sấm sét v.v... ấy gọi là ngửa miệng mà ăn.

- Có người xuất gia mà nuôi sống mình một cách bất tịnh như đua vạy theo cường hào thế lực, thông sứ bốn phương, nói lời xảo trá để cầu được nhiều v.v... ấy gọi là vuông miệng mà ăn.

- Có người xuất gia mà nuôi sống mình một cách bất tịnh như học các chú thuật, bói toán tốt xấu v.v... ấy gọi là quay miệng theo bốn phía mà ăn.

- Nay cô, tôi không rơi vào bốn cách ăn bất tịnh đó. Tôi theo phép

khất thực thanh tịnh mà nuôi sống mình.

Lúc ấy Tịnh Mục nghe nói một cách thanh tịnh như vậy, sanh tâm hoan hỷ tín giải. Xá-lợi-phất nhân đó nói pháp cho nghe và cô ta chứng được đạo quả Tu-đà-hoàn.

Thanh tịnh khất thực để nuôi sống mình như vậy, nên gọi là Khất sĩ.

Lại nữa, “Tỳ” có nghĩa là phá, “Kheo” có nghĩa là phiền não. Phá được phiền não nên gọi là Tỳ-kheo.

Lại nữa, người xuất gia gọi là Tỳ-kheo, cũng như người Hồ, Hán, Khương, Lỗ đều có danh tự riêng.

Lại nữa, khi thọ giới tự nói: “Tôi là ... Tỳ-kheo, suốt đời giữ giới” nên gọi là Tỳ-kheo.

Lại nữa, “Tỳ” có nghĩa là làm cho sợ, “Kheo” có nghĩa là có thể, là có thể làm cho Ma vương và Ma dân sợ. Đương khi xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, thụ giới, là lúc làm cho Ma sợ. Vì sao sợ? Ma vương nói: “Người ấy ắt được vào Niết-bàn”. Như Phật nói: “Người nào có thể cạo đầu, mặc pháp y, nhất tâm thụ giới, người ấy dần dần dứt kiết sử, lìa khổ mà vào Niết-bàn”.

Sao gọi là Tăng già? “Tăng già” Tần dịch là “Chúng”. Nhiều Tỳ-kheo hòa hợp một chỗ, gọi là Tăng già. Như các cây lớn tụ lại rậm rạp gọi là rừng, mỗi một cây không phải là rừng, trừ mỗi một cây ra cũng không là rừng. Như vậy mỗi một Tỳ-kheo không gọi là Tăng, trừ mỗi một Tỳ-kheo ra cũng không là Tăng. Các Tỳ-kheo hòa hợp lại mới gọi là Tăng. Tăng có bốn hạng: Tăng biết xấu hổ, Tăng không biết xấu hổ, Tăng như dê câm, Tăng chơn thật.

- Sao gọi là Tăng biết xấu hổ? Trì giới không phá giới, thân miệng thanh tịnh, có thể phân biệt tốt xấu, chưa đắc đạo, ấy gọi là Tăng biết xấu hổ.

- Sao gọi là Tăng không biết xấu hổ? Phá giới, thân miệng không thanh tịnh, không việc ác nào không làm, ấy gọi là Tăng không biết xấu hổ.

- Sao gọi là Tăng như dê câm? Tuy không phá giới, nhưng độn căn không trí tuệ, không phân biệt được tốt xấu, không biết phạm khinh phạm trọng, không biết có tội không tội. Nếu có việc Tăng, hai người cùng cãi, thời không thể quyết đoán, im lặng không nói. Ví như dê trắng, cho đến bị người ta đem giết, cũng không thể la lên một tiếng, ấy gọi là Tăng dê câm.

- Sao gọi là Tăng chơn thật? Hoặc bậc Hữu học, hoặc bậc Vô học, trụ trong bốn quả, thường hành đạo tứ hướng, ấy gọi là Tăng chơn thật. Trong đây, hai hạng Tăng có thể cùng chung bạch nhất Yết-ma, như Yết-ma thuyết giới, thọ tuế; các việc đều được phép làm. Trong đó thiệt

Thanh-văn Tăng có sáu ngàn năm trăm. Bồ-tát Tăng có hai hạng là Tăng có biết xấu hổ và Tăng chơn thiệt; còn Thanh-văn Tăng có một hạng là Tăng chơn thiệt, vì đây là thiệt Tăng. Các hạng khác đều gọi là Tăng. Do đó nên gọi là Tỳ-kheo Tăng.

**KINH:** Một phần năm ngàn trong số lớn.

**LUẬN:** Sao gọi là số lớn? Ít tăng lên ít giảm xuống, ấy gọi là số lớn. Sao gọi là một phần? Là trong số đại chúng đông đảo chỉ lấy một phần, ấy gọi là phần. Các Tỳ-kheo ấy từ trong đại chúng ngàn vạn người kể lấy một phần năm ngàn người. Do đó nên gọi là một phần năm ngàn trong số lớn.

**KINH:** Đều là A-la-hán.

**LUẬN:** Sao gọi là A-la-hán? “A-la” có nghĩa là giặc, “Hán” có nghĩa là phá. Phá hết thấy giặc phiền não, ấy gọi là A-la-hán.

Lại nữa, A-la-hán đã dứt sạch hết các lậu, nên đáng được nhân gian và chư Thiên cúng dường.

Lại nữa, “A” có nghĩa là không, “La-hán” có nghĩa là sanh. Nghĩa là không còn sanh lại trong đời sau, nên gọi là A-la-hán.

**KINH:** Các lậu đã hết.

**LUẬN:** Ba thứ lậu của ba cõi đã dứt sạch hết không còn, nên gọi là “Các lậu đã hết”.

**KINH:** Không còn phiền não.

**LUẬN:** Đã đoạn trừ hết thấy các dòng kiết sử, tham ái, ách, trói, che lấp, buộc v.v... nên nói “không còn phiền não”.

**KINH:** Tâm được giải thoát hoàn toàn, tuệ được giải thoát hoàn toàn.

**LUẬN:** Hỏi: Vì sao nói tâm được giải thoát hoàn toàn, tuệ được giải thoát hoàn toàn?

Đáp: Hàng ngoại đạo ly dục, tâm chỉ được giải thoát ở một xứ, một đạo, chẳng phải được giải thoát hết thấy pháp chướng ngại. Vì vậy, A-la-hán gọi là “Tâm được giải thoát hoàn toàn, tuệ được giải thoát hoàn toàn”.

Lại nữa, các A-la-hán ở trong hai đạo tâm được giải thoát là Kiến đế đạo và Tư duy đạo; vì thế nên gọi là tâm được giải thoát hoàn toàn. Học nhân tâm tuy được giải thoát mà chẳng phải giải thoát hoàn toàn. Vì sao? Vì còn kiết sử dư tàn.

Lại nữa, các ngoại đạo, không đầy đủ pháp trợ đạo, hoặc làm một việc công đức, hoặc làm hai việc công đức mà cầu đạo, tất không cầu được. Như người chỉ bố thí để cầu thanh tịnh, như người tế trời nói là có thể thoát khỏi ưu não, suy đồi, có thể sanh trong quốc độ thường lạc, cũng lại nói trong tám thanh tịnh đạo là:

1. Tự giác

2. Nghe
3. Đọc kinh
4. Sợ nổi khổ bên trong
5. Sợ nổi khổ của chúng sanh lớn
6. Sợ nổi khổ của người, trời
7. Được thầy hay
8. Bồ thí.

Chỉ nói điều thứ tám là thanh tịnh đạo. Lại nữa, có ngoại đạo chỉ bồ thí, trì giới cho là thanh tịnh; có người chỉ bồ thí, cầu trí tuệ cho là thanh tịnh. Các trợ đạo như vậy không đầy đủ, hoặc không công đức, hoặc ít công đức cho là thanh tịnh. Người ấy tuy từ một xứ tâm được giải thoát, không gọi là giải thoát hoàn toàn, vì Niết-bàn đạo không đầy đủ, như kệ nói:

*“Người không công đức không thể qua,  
Biển cả của sanh, già, bệnh, chết,  
Người ít công đức cũng không qua,  
Hành trọn vẹn đạo của Phật thuyết”.*

Ở đây nên nói đến Kinh Tu-bạt-đà Phạm-chí (Subharabrahma - Càrisutra): Tu-bạt-đà Phạm-chí một trăm hai mươi tuổi được năm thứ thần thông, ở bên ao A-ma-bạt-đạt-đa. Đêm nọ, Phạm-chí mộng thấy một người mất mắt, lõa hình, đứng trong bóng tối, mặt trời rớt, đất vỡ, nước biển cả khô, gió lớn nổi lên thổi núi Tu-di vỡ tan. Thức dậy sợ hãi, ông ta suy nghĩ: “Cớ sao như vậy, mạng ta sắp hết, hay chúa tể trời đất sắp đọa?” Do dự không rõ vì sao lại thấy có ác mộng ấy. Có vị trời là thiện tri thức, bạn từ đời trước, từ trên trời xuống nói với Tu-bạt-đà: “Ông đừng sợ hãi, có một bậc Nhất thiết trí gọi là Phật, nửa cuối đêm sẽ vào Vô-dư Niết-bàn, nên ông mộng thấy như thế chớ không phải vì bản thân của ông đâu”.

Sáng hôm sau, Tu-bạt-đà đi đến rừng cây trong vườn Câu-di-na-kiệt (Kusinayara) thấy A-nan kinh hành, nói với A-nan: “Tôi nghe nói Thầy của ông thuyết pháp về đạo Niết-bàn mới, vào nửa đêm nay Ngài sẽ vào Niết-bàn, tâm tôi có chỗ nghi, xin được gặp Phật nhờ giải quyết chỗ nghi của tôi”. A-nan nói: “Thân thể của Thế Tôn đã suy yếu quá chừng, nếu ông đến hỏi, sẽ làm cho Thế Tôn mệt nhọc thêm”. Tu-bạt-đà ba lần cầu thỉnh, A-nan vẫn đáp một lời. Phật từ xa nghe được, bảo A-nan: “Hãy để cho Tu-bạt-đà đến trước Ta mà tự do nạn vấn. Đây là lần đàm đạo cuối cùng của Ta và Tu-bạt-đà là đệ tử đắc đạo sau chót của ta”.

Lúc ấy, Tu-bạt-đà được đến trước Phật, hỏi han Thế Tôn xong, ngồi xuống một bên, nghĩ như vậy: “Các ngoại đạo xả bỏ ân ái tài bảo mà xuất gia, đều không đắc đạo, chỉ một mình Sa-môn Cù-đàm đắc đạo”. Nghĩ như vậy xong, liền hỏi Phật: “Lục sư ngoại đạo ở cõi Diêm-phù-đề

này đều tự xưng ta là người Nhất thiết trí, lời nói ấy đúng không?” Bấy giờ Thế Tôn đáp lại bằng kệ:

*Ta mới mười chín tuổi,  
Xuất gia học Phật đạo,  
Ta xuất gia đến nay,  
Đã qua năm mươi năm.  
Tịnh giới, thiên trí, tuệ,  
Ngoại đạo không một phần,  
Ít phần cũng không có,  
Huống gì Nhất thiết trí.*

Nếu không có Bát chánh đạo, thì ở đó không có đạo quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nếu có Bát chánh đạo, thì ở đó có đạo quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay Tu-bạt-đà! Trong pháp của Ta đây có Bát chánh đạo nên ở trong đó có đạo quả thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong pháp của các ngoại đạo đều không, không có đạo, không có quả, không có Sa-môn, Bà-la-môn. Ta, ở giữa đại chúng, thật đã cất lên tiếng rống Sư tử như vậy.

Phạm-chí Tu-bạt-đà nghe pháp ấy liền chứng được đạo quả A-la-hán, rồi suy nghĩ: “Ta không nên bát Niết-bàn sau Phật”. Suy nghĩ như vậy xong, ở trước Phật ngồi kiết già, tự dùng thần lực, từ trong thân xuất ra lửa đốt thân mà thủ lấy diệt độ.

Vì vậy, Phật nói không có công đức hay ít công đức, là pháp trợ đạo không đầy đủ, đều không độ thoát được. Phật Thuyết đủ hết thủy công đức, nên Ngài hay độ thoát được các đệ tử, như vị thầy thuốc nhỏ (lang y) chỉ dùng một, hai thứ thuốc không đầy đủ, nên không thể chữa lành trọng bệnh. Các thầy thuốc lớn (giỏi) biết đủ các thứ thuốc nên có thể chữa lành các bệnh.

Hỏi: Nếu xa lìa hết thủy phiền não trong tam giới, tâm được giải thoát, sao Phật nói xa lìa nhiễm ái thì tâm được giải thoát?

Đáp: Ái có sức mạnh to lớn, trói buộc, đóng kín tâm, cho nên nói đến ái mà không nói đến các phiền não khác. Ái dứt thì các phiền não khác dứt.

Lại nữa, nếu khi nghe người ta nói “vua đến” thì biết chắc chắn có các kẻ tùy tùng. Nhiễm ái cũng như vậy, như nắm lấy đầu khăn thì cả cái khăn đều đi theo. Ái nhiễm cũng như vậy, hễ ái dứt thì biết các phiền não khác đều dứt.

Lại nữa, các kiết sử đều thuộc ái và kiến. Phiền não thuộc ái thì che đậy tâm; phiền não thuộc kiến thì che đậy tuệ. Như vậy, hễ ái xa lìa thì kiết sử thuộc ái cũng xa lìa, được tâm giải thoát; hễ vô minh xa lìa thì

kiết sử thuộc kiến cũng xa lìa, được tuệ giải thoát.

Lại nữa, năm ngàn A-la-hán này đã được pháp bất thoái, được vô sanh trí, vì thế nên tâm được giải thoát hoàn toàn, tuệ được giải thoát hoàn toàn, vì không bị thối. Thối pháp A-la-hán được thời giải thoát, như Cù-đê-ca v.v... tuy được giải thoát song không phải giải thoát hoàn toàn, vì còn bị thối pháp.

**KINH:** Tâm đã điều phục nhu nhuyến.

**LUẬN:** Hoặc được cung kính cúng dường, hoặc bị sân hận mắng nhiếc, đánh đập, tâm vẫn bình đẳng, không thay đổi; hoặc gặp trên bảo, hay ngói đá, tâm vẫn xem như nhau; hoặc có người cầm dao cắt chặt tay chân, hay có người đem Chiên đàn thoa thân, tâm cũng bình đẳng, không thay đổi.

Lại nữa, vì đã dứt hết cội gốc dâm dục, sân nhuế, kiêu mạn, nghi, kiến nên gọi là tâm đã được điều phục nhu nhuyến.

Lại nữa, các A-la-hán ấy, ở nơi dục nhiễm mà không nhiễm, ở nơi đáng giận mà không giận, ở nơi si mà không si, thủ hộ sáu căn, thế nên gọi là tâm đã được điều phục nhu nhuyến, như kệ nói:

*Người thủ hộ các căn,  
Như ngựa tốt khéo dạy,  
Như vậy, người thật trí,  
Được chư thiên kính thị.*

Những kẻ phạm nhân không hay thủ hộ sáu căn, không dứt dục, sân, mạn, si, nghi nên không gọi là điều phục nhu nhuyến.

**KINH:** Ma-ha Na-già.

**LUẬN:** “Ma-ha” có nghĩa là lớn; “Na” nghĩa là không; “Già” nghĩa là tội. A-la-hán đã dứt hết các phiền não, nên gọi là đại vô tội.

Lại nữa, Na-già (Naga) hoặc gọi là Rồng, hoặc gọi là Voi. Năm ngàn A-la-hán ấy là bậc tối đại lực trong các hàng A-la-hán, nên gọi là như Rồng như Voi. Vì đi trong nước sức Rồng lớn nhất, đi trên đất thì sức Voi mạnh nhất.

Lại nữa, như voi chúa khéo được điều trị, có thể phá đại quân, xông thẳng tới không quay lui, không sợ đao gậy, không ngại nước lửa, không bỏ chạy, không thối lui, đến chết không tránh. Các A-la-hán cũng lại như thế, do tu thiền định trí tuệ, có thể phá dẹp Ma quân và các giặc kiết sử, cho dù bị mắng chửi, đánh đập, không hối không giận; già chết hay nước lửa, không sợ không ngại.

Lại nữa, như đại Long vương, từ biển cả bay lên bủa mây che khắp cả hư không, phóng điện chớp sáng, chiếu sáng trời đất, tuông trận mưa

lớn, thấm nhuần muôn vật. Các A-la-hán cũng lại như thế, từ trong biển cả thiên định trí tuệ mà ra, giảng bủa mây từ bi che khắp những căn cơ đáng được độ, hiện ánh sáng lớn và các thứ biến hóa, nói pháp thật tướng, mưa vào tâm đệ tử, làm sanh khởi thiện căn.

**KINH:** Những gì phải làm đã làm xong.

**LUẬN:** Hỏi: Sao gọi là “những gì phải làm”, và sao gọi là “đã làm xong”?

Đáp: Đã được các thiện pháp tín, giới, định, xả, v.v... nên gọi là “những gì phải làm”; đã được các thiện pháp trí tuệ, tinh tấn, giải thoát v.v... nên gọi là “đã làm xong”. Vì hai pháp ấy đầy đủ nên gọi là “những gì phải làm đã làm xong”.

Lại nữa, phiền não gồm có hai thứ: Một thứ thuộc ái, một thứ thuộc kiến. Thứ phiền não thuộc ái đã dứt nên gọi là “những gì phải làm”; thứ phiền não thuộc kiến đã dứt nên gọi là “đã làm xong”.

Lại nữa, sắc pháp đã khéo thấy rõ nên gọi là “những gì phải làm”; vô sắc pháp đã khéo thấy rõ nên gọi là “đã làm xong”. Đối hai pháp khả kiến bất khả kiến, hữu đối vô đối v.v... cũng như thế.

Lại nữa, dứt pháp bất thiện và vô ký nên gọi là “những gì phải làm”; pháp thiện đã tư duy nên gọi là “đã làm xong”. Văn tuệ, tư tuệ thành tựu nên gọi là “những gì phải làm”; tu tuệ thành tựu nên gọi là “đã làm xong”. Những loại ba pháp cũng như thế.

Lại nữa, được Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp nên gọi là “những gì phải làm”; được các thiện căn vô lậu về Khổ pháp nhẫn v.v... nên gọi là “đã làm xong”. Được Kiến đế đạo gọi là “những gì phải làm”; được Tư duy đạo gọi là “đã làm xong”. Được Học đạo gọi là “những gì phải làm”; được Vô học đạo gọi là “đã làm xong”. Được tâm giải thoát gọi là “những gì phải làm”; được tuệ giải thoát gọi là “đã làm xong”. Lậu tận nên gọi là “những gì phải làm”; được cộng giải thoát nên gọi là “đã làm xong”. Trừ tất cả kiết sử nên gọi là “những gì phải làm”; được phi thời giải thoát nên gọi là “đã làm xong”. Tự lợi ích xong nên gọi là “những gì phải làm”; làm lợi ích người khác nên gọi là “đã làm xong”.

Nghĩa của “Những gì phải làm đã làm xong” như vậy, tự do giải thuyết.

**KINH:** Vứt bỏ gánh và có thể gánh.

**LUẬN:** Năm uẩn thô nặng thường gây khổ não gọi là “gánh”, như Phật đã nói: “Sao gọi là gánh? Năm uẩn là gánh nặng”. Các A-la-hán đã trừ bỏ gánh ấy nên nói là “vứt bỏ gánh”. “Có thể gánh” là trong Phật

pháp có hai gánh: Một là tự lợi, hai là lợi tha. Hết thấy các lậu đã sạch, được các công đức giải thoát, không còn phải hối hận, ấy là tự lợi. Các công đức tín, giới, xả, định, tuệ có thể đem cho người gọi là lợi tha. Các A-la-hán ấy, có thể gánh gánh của mình, gánh của người, nên gọi là “có thể gánh”.

Lại nữa, ví như trâu lớn sức mạnh, có thể chở nặng. Các A-la-hán ấy cũng như thế, được vô lậu căn, lực, giác, đạo, có thể gánh gánh Phật pháp đại sự.

Do đó nên các A-la-hán gọi là “có thể gánh”.

**KINH:** Đã làm được lợi mình.

**LUẬN:** Sao gọi là lợi mình, và sao gọi là không phải lợi mình? Làm các thiện pháp ấy là lợi mình, làm các điều phi pháp khác, ấy gọi là không phải lợi mình.

Lại nữa, các công đức tín, giới, xả, định, tuệ là hơn hết thấy tài bảo, vì đời này, đời sau thường được vui, vì có thể đưa đến thành cam lồ; vì ba nhân duyên đó nên gọi là lợi mình, như bài kệ trong phẩm Tín nói:

*Người có được tín, tuệ, Là tài bảo bậc  
nhất.*

*Các tài lợi ở đời,  
Không bằng pháp bảo ấy.*

Lại nữa, nếu người đời nay được vui, đời sau được vui, và được Niết-bàn thường vui, ấy là lợi mình. Ngoài ra không phải lợi mình, như kệ nói:

*Đời biết các thứ vô đạo pháp, Cùng với cầm thú  
không có khác, Hãy cầu chánh trí và đạo pháp,  
Được thoát già chết vào Niết-bàn.*

Lại nữa, Bát chánh đạo và Sa-môn quả, ấy gọi là các A-la-hán lợi mình. Năm ngàn A-la-hán ấy được đạo và quả. Cả hai sự đều được nên gọi là lợi mình.

**KINH:** Sạch hết các hữu, kết.

**LUẬN:** Có ba thứ hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Thế nào là Dục hữu? Nhân duyên của nghiệp và thủ hệ thuộc vào Dục giới có thể sanh ra đời sau, đây cũng là nghiệp báo; ấy gọi là Dục hữu. Sắc hữu, vô sắc hữu cũng như thế, ấy gọi là “hữu”. “Kết hết” là: kết có chín thứ kết là ái kết, nhuế kết, mạn kết, si kết, nghi kết, kiến kết, thủ kết, xan kết, tật kết. Kết sử ấy dứt hết cùng với “hữu”, “hữu” ấy dứt hết cùng với kết sử. Vì vậy nên gọi là “hữu, kết hết”.

Hỏi: Các A-la-hán, về kết sử thô thì đã dứt hết vĩnh viễn, vì đã dứt hết phiền não; còn “hữu” thì chưa phải dứt hết. Vì sao? Vì A-la-hán khi chưa diệt độ thì còn có các hữu nhân căn v.v... năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới?

Đáp: Không quan ngại gì, ấy là ở trong quả mà thuyết nhân. Như Phật dạy khi cúng thí đồ ăn thì sẽ được năm điều: Sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an vui, biện tài. Đồ ăn không phải bao giờ cũng làm cho người ta có được năm điều ấy, vì có người được ăn uống nhiều mà chết, có người được ăn uống ít mà sống. Nhưng vì đồ ăn là nhân của năm điều ấy, cho nên Phật dạy thí đồ ăn sẽ có được năm điều, như kệ nói:

*Không ăn thì chắc chết, Có ăn, chết chưa  
định, Cho nên Phật thuyết rằng: Cho ăn,  
được năm điều.*

Cũng như người ăn năm trăm cân vàng ròng, vàng không thể ăn, nhưng vàng là nhân của ăn nên nói ăn vàng. Phật nói: “Nữ nhân là (cấu- uế của giới). Nữ nhân không phải là giới cấu, nhưng là nhân của giới cấu, nên nói nữ nhân là giới cấu. Như người từ chỗ cao rơi xuống chưa thấu đất mà nói người ấy chết. Như vậy, các A-la-hán do đã sạch hết kiết sử, mà biết “hữu” chắc chắn sẽ hết, nói là “hữu, kết hết”.

**KINH:** Do chánh trí được giải thoát.

**LUẬN:** Như đệ tử của Phạm-chí Ma-kiện-đề đem thân ông để trên giường, rồi khiêng đi giữa thành thị chỗ nhiều người, và xướng lên: “Nếu người có mắt chỉ thấy được thân của Ma-kiện-đề, thì người đó đều được đạo thanh tịnh, hưởng là người lễ bái cúng dường?”

Có nhiều người tin theo lời đó. Các Tỳ-kheo nghe lời ấy bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, việc ấy thế nào?” Phật nói kệ:

*Tiểu nhân mắt thấy, cầu thanh tịnh, Như vậy không  
trí, không thật đạo, Các kết, phiền não đầy trong  
tâm, Làm sao mắt thấy, được tịnh đạo.  
Nếu có mắt thấy được thanh tịnh, Cần gì trí tuệ và  
công đức,  
Mắt thấy cầu tịnh, không việc ấy, Công đức, trí tuệ  
mới là tịnh.*

Vì vậy nên nói “Do chánh trí được giải thoát”.

Hỏi: Các A-la-hán, những gì phải làm đã làm xong, không cần cầu tiến nữa, cố sao

thường ở bên Phật, không đi nơi khác mà độ sanh?

Đáp: Hết thấy chúng sanh trong mười phương tuy đều nên cúng dường Phật, nhưng A-la-hán thọ ân Phật nặng hơn nên cúng dường gấp bội. Vì sao? Vì A-la-hán ấy theo Phật mà được lãnh thọ vô lượng công đức, biết kiết sử đã dứt, tín tâm càng nhiều, thế nên các đại đức A-la-hán ở bên Phật lãnh thọ mùi vị an vui của công đức và cung kính cúng dường báo ân đức Phật; vì vậy mà ở bên Phật. Các A-la-hán vây quanh Phật thì Phật đức thêm tôn quý; như người dân Phạm-thiên vây quanh vua Phạm-thiên, như trời Ba-mươi-ba vây quanh trời Thích-đề-hoàn-nhơn. Như các quỷ thần vây quanh vua Tỳ-sa-môn, như các Tiểu vương ở quanh Chuyển luân Thánh vương, như người bệnh khi lành ở quanh người thầy thuốc giỏi. Như vậy các A-la-hán ở hai bên Phật, các A-la-hán vây quanh cúng dường Phật, nên Phật đức thêm tôn nghiêm.

Hỏi: Nếu các A-la-hán, những gì phải làm đã làm xong, đã được lợi mình không cần nghe pháp, cơ sao khi Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật, lại cùng với năm ngàn A-la-hán?

Đáp: Các A-la-hán tuy những gì phải làm đã làm xong, nhưng Phật muốn đem trí tuệ thâm thâm để thử, như đã thử Xá-lợi-phất. Như bài kệ trong A-kỳ-đà-nan của kinh Ba-la-diên nói:

*Các hạng người hữu học, Và các người  
đếm pháp, Xin như thật mà nói, Pháp tu  
hành của họ.*

Trong ấy, thế nào là người học? Thế nào là người đếm pháp? Bấy giờ, Xá-lợi-phất im lặng. Phật hỏi như vậy ba lần, Xá-lợi-phất đều im lặng. Phật muốn chỉ bày đầu mối của nghĩa lý, mới hỏi Xá-lợi-phất: “Có sanh chăng?” Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Đại đức Thế Tôn. Có sanh”.

Có sanh là vì muốn diệt pháp hữu vi có sanh nên gọi là người học.  
Do trí tuệ được pháp vô sanh, nên gọi là người đếm pháp.

Kinh này nên nói rộng ra trong ấy.

Lại nữa, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, các thiền định chưa được nên muốn được, đã được muốn cho bền sâu, nên các A-la-hán ở bên Phật để nghe pháp.

Lại nữa, vì vui hiện tiền, như trong Nan-đà-ca nói: “Vì đời này được vui nên nghe pháp”.

Lại nữa, các A-la-hán ở bên Phật nghe pháp, tâm không nhàm chán, như trong kinh Tỳ-lô-đề-ca (Pilotikasutra) nói: “Xá-lợi-phất nói với Tỳ-lô-đề-ca rằng: “Trong pháp của ta, được nghe pháp không biết nhàm chán”.

Lại nữa, như Phật Đại sư mà còn nhất tâm ở bên đệ tử để nghe họ thuyết pháp. Do đó không nên nạn rằng: “A-la-hán, những gì phải làm đã làm xong, cơ sao còn nghe pháp?” Ví như có người đã no mà gặp món ăn ngon còn ăn nữa, huống chi người đang đói khát mà không nên ăn? Vì thế nên các A-la-hán tuy những gì phải làm đã làm xong, vẫn thường ở bên Phật để nghe pháp.

Lại nữa, Phật trú trong pháp giải thoát, các A-la-hán cũng trú trong pháp giải thoát. Cùng trú pháp như nhau nên cùng làm quyến thuộc để trang nghiêm. Như trong Kinh Chiên-đàn Thí dụ nói: “Rừng có cây Chiên-đàn thì có cây Y-lan vây quanh, rừng có cây Y-lan thì có cây Chiên-đàn vây quanh. Có Chiên-đàn thì Chiên-đàn họp lại thành rừng cây, có Y-lan thì Y-lan thì họp lại vây quanh lẫn nhau. Phật và các A-la-hán cũng như vậy. Phật trú trong thiện pháp giải thoát, các A-la-hán cũng trú trong thiện pháp giải thoát. Cùng trú pháp như nhau nên cùng làm quyến thuộc để trang nghiêm. Phật có đại chúng vây quanh, như núi chúa Tu-di có mười núi báu vây quanh, như voi chúa bạch hương có voi bạch hương vây quanh, như sư tử vương có chúng sư tử vây quanh. Phật

cũng như vậy, Phật là phước điền vô thượng của thế gian, cộng trú với các đệ tử vây quanh.

**KINH:** Chỉ trừ A-nan, đang ở Học địa, được quả Tu-đà-hoàn.

**LUẬN:** Hỏi: Cớ sao nói chỉ trừ A-nan?

Đáp: Các A-la-hán được tán thán trên đây, A-nan không ở trong số đó. Vì sao? Vì đang ở Học địa, chưa lìa hết dục.

Hỏi: Đại đức A-nan là vị Thầy thứ ba, là vị tướng lãnh về Chánh pháp của đại chúng, từng gieo giống Niết-bàn qua vô lượng kiếp, thường gần Phật, gìn giữ Pháp tạng. Đại đức là bậc lợi căn như vậy sao đến nay vẫn chưa lìa hết dục, mà còn làm Học nhân?

Đáp: Đại đức A-nan vốn nguyện như vậy: “Ta là bậc nhất trong chúng đa văn”, lại cũng vì pháp của chư Phật, các A-la-hán đã làm xong những gì phải làm, thì không nên làm người cung cấp cúng dường, vì các A-la-hán ở trong Phật pháp có thể thành tựu việc lớn, đã phá giấc phiền não, cùng với Phật ngồi trên giường giải thoát.

Lại nữa, Trưởng lão A-nan, đối với các kinh thường nghe, thọ trì, đọc tụng thông lợi, quán sát nên trí tuệ nhiều mà sự nhiếp tâm ít. Hai thứ công đức này phải bằng nhau, mới có thể được lậu tận; vì lẽ đó mà A-nan còn là vị Học nhân Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, vì ưa cung cấp cho Thế Tôn, nên A-nan làm người cung cấp cho Phật. A-nan lại suy nghĩ như vậy: “Nếu ta sớm thủ chứng lậu

tận, thì phải xa Thế Tôn, không còn được làm người cung cấp. Vì vậy nên A-nan tuy có thể chứng đắc đạo quả A-la-hán mà tự chế không thủ chứng.

Lại nữa, xứ, thời, và người chưa hợp lại. Ngàn A-la-hán có khả năng kiết tập Pháp tạng chưa họp ở núi Kỳ-xà-quật, đó là xứ. Thời mà Thế Tôn qua đi chưa đến và Trưởng lão Kỳ-bà-tử chưa ở đó (nhờ Kỳ-bà-tử khuyên A-nan mới lậu tận); vì thế nên Trưởng lão A-nan lậu chưa sạch. Phải khi Thế Tôn qua đi, chúng kiết tập Pháp tạng họp một chỗ, và Kỳ-bà-tử thuyết pháp chê trách, khuyên can, cả ba sự đó hợp lại thì A-nan mới được lậu tận.

Lại nữa, Đại đức A-nan nhàm chán thế pháp ít, không như người khác, đó là do A-nan đời đời ở giòng Vương giả, đoan chánh vô song, phước đức vô lượng, là bà con gần với Thế Tôn, thường hầu hạ Phật, ắt có ý nghĩ: “Ta hầu gần Phật, biết tạng Pháp bảo, đạo pháp lậu tận, ta không sợ mất”; vì sự ấy mà không ân cần lắm đến việc lậu tận.

Hỏi: Tên Đại đức A-nan là do nhân duyên nào? Do nhân duyên đời trước, hay do cha mẹ đặt, hay nương theo nhân duyên mà đặt?

Đáp: Do nhân duyên đời trước, cũng do cha mẹ đặt, và cũng nương theo nhân duyên mà đặt.

Hỏi: Nhân duyên đời trước như thế nào?

Đáp: Thích-ca Văn Phật đời trước là người thợ làm ngói tên là Đại-quang-minh (Prabhasa). Bấy giờ có Phật hiệu là Thích-ca Văn, đệ tử tên là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, A-nan. Phật và đệ tử cùng đi đến nhà người thợ làm ngói nghỉ một đêm. Bấy giờ người thợ ngói cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng ba thứ: Chiếu cỏ, đèn và mật, rồi phát nguyện rằng: “Đương lai trong đời năm ác, già, bệnh, chết, khổ não tôi sẽ làm Phật cũng hiệu là Thích-ca Văn như Phật ngày nay. Đệ tử tôi cũng có tên như đệ tử Phật ngày nay”. Do lời nguyện của Phật như vậy mà đệ tử Ngài có tên là A-nan.

Lại nữa, A-nan đời đời lập nguyện rằng: “Ta ở trong chúng đệ tử đa văn của Phật Thích-ca Văn, nguyện là bậc nhất và tên là A-nan”.

Lại nữa, A-nan đời đời nhẫn nhục, trừ sân hận, vì nhân duyên ấy, khi sanh ra tuần tú. Cha mẹ vì chỗ tuần tú làm cho ai nấy đều hoan hỷ, nên đặt tên là A-nan.

A-nan, Tần dịch là Hoan hỷ. Đó là tên do nhân duyên đời trước. Nhân duyên do cha mẹ đặt tên như thế nào? Xưa có vua Nhật Chung (giòng mặt trời) tên là Sư-tử-hiếp

(Simhahanu). Vua có bốn người con trai, người con thứ nhất tên là Tịnh-Phạn (Sudhodana), thứ hai tên Bạch- phạn (Suklodana), thứ ba tên Học-phạn (Pronodana), thứ tư tên Cam-lộ- phạn (Amrtodana) và một người con gái tên là Cam-lộ-vị (Amrtârasa). Vua Tịnh-Phạn có hai con trai là Tất-đạt-đa và Nan-đà. Vua Bạch-phạn có hai con trai là Bạt-đề và Đề-sa (Bhadrika và Tisya). Vua Học-Phạn có hai con trai là Đề-bà-đạt-đa và A-nan (Devadatta và Ananda). Vua Cam-lộ-Phạn có hai con trai là Ma-ha-nam và A-nê-lô-đâu (Mahana- man và Anirudha). Công chúa Cam-lộ-vị có một con trai tên Thi-bà-la (Danapala).

Trong số đó, Bồ-tát Tất-đạt-đa, dần dần lớn lên, bỏ địa vị Chuyển luân Thánh vương, nửa đêm xuất gia, đi đến nước Âu-lâu-tỳ-la (Uruve- la) bên bờ sông Ni-liên-thuyền, tu khổ hạnh sáu năm.

Bấy giờ, vì thương nhớ con nên vua Tịnh-phạn thường sai sứ đi tìm, muốn biết tin tức con mình đắc đạo chăng? Bệnh hay chết? Sứ giả trở về tâu vua: “Bồ-tát chỉ còn da bọc xương gân, thân mạng rất suy vi; hoặc nay, hoặc mai, chẳng còn bao lâu nữa”. Vua nghe nói hết sức sầu nhớ, chìm trong biển ưu não mà than: “Con ta đã không làm Chuyển luân vương, lại không được làm Phật, sao lại chỉ chịu suy nhược khổ sở, không được chi cả, mà chết!”. Vua ưu não như vậy đến hoang mang, mờ mịt, bối rối, bế tắc!

Bấy giờ, Bồ-tát bỏ lối tu khổ hạnh, ăn cháo sữa trăm vị, thân thể no đủ, xuống sông Ni-liên-thuyền tắm rửa xong, đi đến dưới cội Bồ-đề, ngồi toà Kim-cang mà thề rằng: “Ta thề không bỏ chỗ ngồi kiết già này cho đến khi thành đạt Nhất thiết trí, nếu không đạt được Nhất thiết trí, thì không rời bỏ chỗ này”.

Bấy giờ Ma vương dẫn chúng mười tám vạn ức đến chỗ Bồ-tát, dám quyết hơn thua cùng Bồ-tát. Bồ-tát dùng sức trí tuệ cả phá Ma quân. Ma không hơn được phải rút lui mà tự nghĩ: “Không thắng được Bồ-tát thì hãy đến làm khổ cha của người”, liền đến chỗ vua Tịnh-phạn nói dối rằng: “Con ông vừa cuối đêm nay đã qua đời rồi”. Vua nghe lời ấy, sợ hãi té trên giường, như cá vùi trong cát nóng. Vua khóc và nói:

*A-di-đà (Ajita-A-tut-đà) nói quấy, Điềm lành cũng  
chẳng linh, Được lợi, tiếng thơm tho,  
Tất cả đều chẳng có.*

Bấy giờ thọ thần Bồ-đề rất hoan hỷ, cầm hoa trời Mạn-đà-la đến chỗ vua Tịnh-phạn nói kệ:

*Con ngài đã đắc đạo, Đã phá tan chúng  
Ma,*

*Sáng như mặt trời mọc, Soi thấu cả mười  
phương. Hoan hỷ được lợi lớn, Giải thoát  
hết thủy khổ, Nay đã chuyển xe pháp,  
Không đâu không thanh tịnh.*

Vua nói: “Trước đây có một vị Trời đến nói con ta đã chết, nay người đến nói phá hoại Ma quân, đắc đạo, hai lời nói trái nhau, biết ai đáng tin?” Thần cây lại nói: “Thật không vọng ngữ. Vị Trời trước nói dối đã chết, đó là Ma ôm lòng ganh tỵ nên đến gây phiền não. Ngày nay các vị Trời, Rồng và Thần đem hoa hương cúng dường, giăng đầy giữa hư không. Con Ngài thân phóng ra ánh sáng chiếu khắp trời đất”.

Vua nghe lời ấy, cởi bỏ tất cả tâm ưu sầu khổ não, nói: “Con ta bỏ ngôi Chuyển luân Thánh vương, nay được ngôi Pháp chuyển luân vương, thật được đại lợi, chẳng mất mát gì”, nên lòng vua rất hoan hỷ. Bấy giờ sứ giả của Học-phạn vương đến tâu cùng Tịnh-phạn vương: “Học-phạn vương vừa sanh được con trai”. Tâm của vương rất hoan hỷ, nói: “Ngày nay thật là đại cát, là ngày hoan hỷ”. Vua nói với sứ giả rằng: “Đứa trẻ ấy nên đặt tên là A-nan”, đó là tên cha mẹ đặt.

Nướng theo nhân duyên mà đặt tên là như thế nào? Thân hình của A-nan tuần tú, thanh tịnh, như tấm gương sáng đẹp, dung nhan tướng mạo già hay trẻ, đẹp hay xấu đều hiện cả trong thân. Thân ấy tươi sáng trong sạch, người nữ trông thấy, dục tâm liền động, cho nên Phật cho phép A-nan mang y che vai.

Vì A-nan thường khiến người khác trông thấy thì tâm và mắt đều hoan hỷ, cho nên gọi là A-nan. Bấy giờ người tào luận tán rằng:

*Mặt như trăng tròn sáng, Mắt như hoa sen  
xanh, Nước biển cả Phật pháp, Chảy vào  
tâm A-nan.*

*Hay làm tâm mắt người, Trông thấy tâm  
hoan hỷ, Ai đến cầu thấy Phật, Hiện đủ  
không thiếu vẻ.*

Như vậy A-nan tuy có thể chứng được đạo quả A-la-hán, song vì để cúng dường Phật, nên không dứt hết lậu. Do có đại công đức đó, tuy không phải là bậc Vô học mà được ở trong số Vô học, tuy chưa ly dục mà ở trong số ly dục. Do vậy nên trong số năm ngàn, A-nan chưa phải là

A-la-hán nên nói “chỉ trừ A-nan”.

-----o0o-----